

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THUẬN ĐÔNG



CÁC BIỂU MẪU CÔNG KHAI

**Theo Thông tư 36/2017/TT-
BGDDĐT ngày 28/12/2017**

(Tính đến thời điểm ngày 17/4/2023)

Năm học 2022-2023

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7

Trường Tiểu học Tân Thuận Đông

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học năm học 2022 – 2023

(Tính đến thời điểm ngày 17 tháng 4 năm 2023)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo hướng dẫn của Phòng GD-ĐT	Theo hướng dẫn của Phòng GD-ĐT	Theo hướng dẫn của Phòng GD-ĐT	Theo hướng dẫn của Phòng GD-ĐT	Theo hướng dẫn của Phòng GD-ĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình SGK Cánh Diều	Thực hiện chương trình SGK Chân trời sáng tạo	Theo BGD quy định	Theo BGD quy định	Theo BGD quy định
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS. Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực.	Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS. Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực.	Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS. Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực.	Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS. Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực.	Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS. Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hội khuyến học, mạnh thường quân, PHHS hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh	Hội khuyến học, mạnh thường quân, PHHS hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh	Hội khuyến học, mạnh thường quân, PHHS hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh	Hội khuyến học, mạnh thường quân, PHHS hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh	Hội khuyến học, mạnh thường quân, PHHS hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Năng lực, phẩm chất đạt hoàn thành trở lên. Có sức khỏe. Đạo đức tốt, học tập từng bước tiến bộ.	Năng lực, phẩm chất đạt hoàn thành trở lên. Có sức khỏe. Đạo đức tốt, học tập	Năng lực, phẩm chất đạt hoàn thành trở lên. Có sức khỏe. Đạo đức	Năng lực, phẩm chất đạt hoàn thành trở lên. Có sức khỏe. Đạo đức tốt, học	Năng lực, phẩm chất đạt hoàn thành trở lên. Có sức khỏe. Đạo đức

			từng bước tiên bộ..	tốt, học tập từng bước tiên bộ.	tập từng bước tiên bộ..	tốt, học tập từng bước tiên bộ..
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Từng bước học tập có tiên bộ	Từng bước học tập có tiên bộ	Từng bước học tập có tiên bộ	Từng bước học tập có tiên bộ	Từng bước học tập có tiên bộ

Quận 7, ngày 17 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quân

Biểu mẫu 06

((Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo))

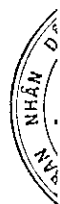
Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7

Trường Tiểu học Tân Thuận Đông

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022– 2023
(Giữa học kì II)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1846	333	350	319	379	465
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1846	333	350	319	379	465
III	Số học sinh chia theo năng lực						
	1. Tự chủ, tự học/Tự phục vụ, tự quản	1846	333	350	319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1590	288	318	209	340	435
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	253	44	30	110	39	30
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	2	0	0	0
	2. Giao tiếp và hợp tác/ Hợp tác	1846	333	350	319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1574	295	320	216	311	432
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	262	36	28	97	68	33
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	10	2	2	6	0	0
	3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo/ Tự học và giải quyết vấn đề	1846	333	350	319	379	465
	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	1521	259	318	254	294	396
	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	323	72	32	65	85	69
	Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)	2	2	0	0	0	0
Năng lực đặc thù	1.Ngôn ngữ	683	333	350			
	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	587	275	312			
	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	95	57	38			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0			
	2.Tính toán	683	333	350			
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	602	289	313			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	78	42	36			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3	2	1			
	3.Khoa học	683	333	350			



	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	631	304	327			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	51	28	23			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0			
	4.Thẩm mỹ	683	333	350			
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	636	304	332			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	47	29	18			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0			
	5.Thể chất	683	333	350			
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	640	308	332			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42	24	18			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0			
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
	1.Yêu nước	683	333	350			
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	662	314	348			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21	19	2			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0			
	2.Nhân ái	683	333	350			
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	660	315	345			
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23	18	5			
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0			
	3. Chăm chỉ /Chăm học, chăm làm	1846	333	350	319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1549	290	313	231	302	413
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	294	41	36	88	77	52
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3	2	1	0	0	0
	4. Trách nhiệm/Tự tin, trách nhiệm	1846	333	350	319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1644	298	338	292	303	413
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	202	35	12	27	76	52
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
	5. Trung Thực /Trung thực, kỷ luật	1846	333	350	319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1743	318	338	310	332	445
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	102	14	12	9	47	20
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0	0	0	0

	6. Đoàn kết, yêu thương	1163			319	379	465
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1133			318	351	464
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	30			1	28	1
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Tiếng Việt	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1168	230	178	219	219	322
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	633	74	161	100	156	142
<i>c</i>	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	45	29	11	0	4	1
2	Toán	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1305	287	255	216	212	335
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	508	38	91	97	160	122
<i>c</i>	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	33	8	4	6	7	8
3	Khoa học	844				379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	671				304	367
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	173				75	98
<i>c</i>	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0				0	0
4	Lịch sử và Địa lí	844				379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	552				235	317
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	289				143	146
<i>c</i>	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3				1	2
5	Tiếng Anh	1163			319	379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	698			262	188	248
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	464			57	190	217
<i>c</i>	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1			0	1	0
7	Tin học	1163			319	379	465
<i>a</i>	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	962			266	291	405
<i>b</i>	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	201			53	88	60
<i>c</i>	Chưa hoàn thành	0			0	0	0



	(tỷ lệ so với tổng số)						
6	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
8	Đạo đức	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1653	291	333	254	331	444
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	193	42	17	65	48	21
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
9	Tự nhiên và Xã hội	1002	333	350	319		
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	825	270	305	250		
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	177	63	45	69		
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0		
10	Âm nhạc	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1365	249	291	186	282	357
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	478	81	59	133	97	108
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	3	3	0	0	0	0
11	Mĩ thuật	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1513	266	295	261	306	385
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	333	67	55	58	73	80
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
12	Thủ công (Kỹ thuật)	1163			319	379	465
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	976			244	310	422
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	187			75	69	43
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0	0
13	GDTC/Thể dục	1846	333	350	319	379	465
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	1683	299	318	293	341	432
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	163	34	32	26	38	33

c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	0	0	0	0	0	0
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

Quận 7, ngày 17 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Lê Quân



